Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 28

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 theo Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 21 tháng 1 năm 2000. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 4 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và bán buôn xi măng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HTV theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2005.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 296 Đường Trần Não, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch
Ông Phan Trọng Lập	Thành viên
Ông Trần Văn Quỳnh	Thành viên
Ông Phạm Văn Thông	Thành viên
Ông Đỗ Văn Huân	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Minh Huy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Trưởng ban	Từ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên	
Ông Phạm Thế Nghĩa	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Văn Quỳnh	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Văn Huân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Văn Quỳnh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có công ty con như được trình bày trong thuyết minh số 6 của báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 10 tháng 8 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Trần Văn Quỳnh
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61056427/20264818/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Building a better working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 10 tháng 8 năm 2018 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**226.050.912.869**	**206.538.411.597**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***19.208.333.007***	***23.477.589.455***
111	1. Tiền		12.208.333.007	8.477.589.455
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.000.000.000	15.000.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***	***5***	***98.469.680.000***	***86.861.176.000***
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	20.990.879.270	20.990.879.270
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(8.521.199.270)	(4.129.703.270)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	86.000.000.000	70.000.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***107.099.834.512***	***91.103.814.998***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	103.728.583.277	89.451.954.496
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		358.813.400	323.100.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	3.950.317.222	2.266.639.889
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(937.879.387)	(937.879.387)
140	***IV. Hàng tồn kho***		***1.273.065.350***	***734.065.118***
141	1. Hàng tồn kho	10	1.273.065.350	734.065.118
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***-***	***4.361.766.026***
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	4.361.766.026
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**158.877.887.400**	**170.805.694.208**
220	***I. Tài sản cố định***		***145.877.887.400***	***157.805.694.208***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	145.877.887.400	157.805.694.208
222	Nguyên giá		261.422.858.499	261.392.368.499
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(115.544.971.099)	(103.586.674.291)
250	***II. Đầu tư tài chính dài hạn***		***13.000.000.000***	***13.000.000.000***
251	1. Đầu tư vào công ty con	6	13.000.000.000	13.000.000.000
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**384.928.800.269**	**377.344.105.805**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**72.202.689.614**	**56.664.238.741**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***72.202.689.614***	***56.664.238.741***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	38.209.992.806	42.967.889.727
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	2.580.711.975	1.774.032.136
314	3. Phải trả người lao động		2.777.345.356	5.530.000.222
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	6.936.368.182	386.271.656
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	16.793.279.189	935.320.070
321	6. Dự phòng phải trả ngắn hạn		473.856.678	-
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	4.431.135.428	5.070.724.930
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**312.726.110.655**	**320.679.867.064**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***16.1***	***312.726.110.655***	***320.679.867.064***
411	1. Vốn cổ phần		131.040.000.000	131.040.000.000
411a	- *Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết*		*131.040.000.000*	*131.040.000.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		53.070.783.332	53.070.783.332
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		117.000.238.488	114.353.432.657
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.615.088.835	22.215.651.075
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*1.272.629.414*	*1.197.239.414*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*10.342.459.421*	*21.018.411.661*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**384.928.800.269**	**377.344.105.805**

Võ Thị Ngọc Diễm	Trần Thị Lý	Trần Văn Quỳnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
10	**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**17.1**	**97.952.008.772**	**92.450.223.077**
11	**2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**		**(76.842.169.650)**	**(73.691.273.121)**
20	**3. Lợi nhuận gộp**		**21.109.839.122**	**18.758.949.956**
21	**4. Doanh thu hoạt động tài chính**	**17.2**	**3.003.739.923**	**3.686.268.959**
22	**5. Chi phí tài chính**	**18**	**(4.391.496.000)**	**(18.366.667)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		-	*(18.366.667)*
26	**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**19**	**(6.802.304.247)**	**(7.885.490.116)**
30	**7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**12.919.778.798**	**14.541.362.132**
31	**8. Thu nhập khác**		**88.545.478**	**1.007.448.711**
32	**9. Chi phí khác**		**(21.675.000)**	**(1.422.982.056)**
40	**10. Lợi nhuận (lỗ) khác**		**66.870.478**	**(415.533.345)**
50	**11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**12.986.649.276**	**14.125.828.787**
51	**12. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**21.1**	**(2.644.189.855)**	**(2.778.559.386)**
52	**13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	**21.3**	**-**	**(346.802.783)**
60	**14. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**10.342.459.421**	**11.000.466.618**

Võ Thị Ngọc Diễm	Trần Thị Lý	Trần Văn Quỳnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**12.986.649.276**	**14.125.828.787**
	Điều chỉnh cho:			
02	Khấu hao tài sản cố định	9	11.958.296.808	6.185.937.516
03	Dự phòng		4.865.352.678	2.109.193.683
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.003.739.923)	(3.686.268.959)
06	Chi phí lãi vay		-	18.366.667
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**26.806.558.839**	**18.753.057.694**
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(11.155.276.488)	4.752.696.833
10	Tăng hàng tồn kho		(539.000.232)	(139.656.402)
11	Tăng các khoản phải trả		5.112.514	18.865.962.319
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(18.366.667)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(2.669.918.672)	(2.801.766.198)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.211.005.332)	(3.130.252.081)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**9.236.470.629**	**36.281.675.498**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua tài sản cố định		(254.467.000)	(74.711.290.188)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(86.000.000.000)	(37.138.263.889)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác		70.000.000.000	69.000.000.000
26	Thu nhập từ bán các khoản đầu tư trong đơn vị khác		-	1.500.000.000
27	Tiền lãi nhận được		2.748.739.923	5.796.856.459
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(13.505.727.077)**	**(35.552.697.618)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn		-	76.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn		-	(76.000.000.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**-**	**-**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**(4.269.256.448)**	**728.977.880**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**23.477.589.455**	**89.130.478.094**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**4**	**19.208.333.007**	**89.859.455.974**

Võ Thị Ngọc Diễm	Trần Thị Lý	Trần Văn Quỳnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 theo Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 21 tháng 1 năm 2000. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 4 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và bán buôn xi măng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HTV theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2005.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 296 Đường Trần Não, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 231 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2017: 238 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 1 công ty con như sau:

- *Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ Thủ Đức ("TTTĐ")*

  TTTĐ là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh ("GCNĐKKD") số 0314270335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 3 năm 2017. Trụ sở chính của TTTĐ đăng ký tại Lầu 5, Tòa nhà Landmark, Số 5B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của TTTĐ là kinh doanh bất động sản.

  Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty nắm giữ 65% vốn chủ sở hữu và 65% quyền biểu quyết trong TTTĐ.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày đề ngày 10 tháng 8 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu là nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ, với giá trị được xác định theo chi phí mua trên cơ sở bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 *Khấu hao tài sản cố định hữu hình*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải đường thủy	10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm

3.6 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Các khoản đầu tư* (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.8 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.10 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.11 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.12 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

3.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
Tiền mặt	103.054.402	764.717.415
Tiền gửi ngân hàng	12.105.278.605	7.712.872.040
Các khoản tương đương tiền *(*)*	7.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	**19.208.333.007**	**23.477.589.455**

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất bình quân 4.8%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 *Chứng khoán kinh doanh*

VND

Đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 1	*Ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
Giá gốc	20.990.879.270	20.990.879.270
Dự phòng	(8.521.199.270)	(4.129.703.270)
Giá trị ghi sổ	**12.469.680.000**	**16.861.176.000**

5.2 *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*	
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	86.000.000.000	86.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000

Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc trên ba tháng và hưởng lãi suất bình quân dao động từ 5,8% đến 7,0%/năm.

6. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÔNG TY CON

Tên công ty	*Lĩnh vực hoạt động*	*Tình trạng hoạt động*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2018 và Ngày 31 tháng 12 năm 2017*	
			Giá gốc đầu tư (VND)	*Sở hữu (%)*
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ Thủ Đức	Đầu tư bất động sản, xây dựng	Đang hoạt động	13.000.000.000	65

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
Phải thu từ các bên liên quan *(Thuyết minh số 22)*	83.850.100.070	72.613.382.370
Phải thu từ các bên khác	19.878.483.207	16.838.572.126
TỔNG CỘNG	**103.728.583.277**	**89.451.954.496**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(937.879.387)	(937.879.387)
GIÁ TRỊ THUẦN	**102.790.703.890**	**88.514.075.109**

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
Bồi thường bảo hiểm	1.699.655.995	606.957.155
Lãi dự thu	1.455.000.000	1.200.000.000
Tạm ứng	403.683.246	-
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	240.000.000	390.000.000
Khác	151.977.981	69.682.734
TỔNG CỘNG	**3.950.317.222**	**2.266.639.889**

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Phương tiện vận tải đường thủy*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.439.850.094	255.672.878.477	3.279.639.928	261.392.368.499
Mua mới	-	-	30.490.000	30.490.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	2.439.850.094	255.672.878.477	3.310.129.928	261.422.858.499
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	*2.136.137.552*	*20.503.401.603*	*1.237.917.201*	*23.877.456.356*
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	(2.165.855.657)	(99.454.772.514)	(1.966.046.120)	(103.586.674.291)
Khấu hao trong kỳ	(30.432.870)	(11.758.473.882)	(169.390.056)	(11.958.296.808)
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	(2.196.288.527)	(111.213.246.396)	(2.135.436.176)	(115.544.971.099)
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	273.994.437	156.218.105.963	1.313.593.808	157.805.694.208
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	243.561.567	144.459.632.081	1.174.693.752	145.877.887.400

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
Nhiên liệu và vật liệu	1.244.978.893	688.282.785
Công cụ, dụng cụ	28.086.457	45.782.333
TỔNG CỘNG	**1.273.065.350**	**734.065.118**

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
Phải trả cho các bên khác	37.671.256.757	42.471.206.613
- *Doanh nghiệp Tư nhân Trung Tài*	*12.718.676.360*	*15.161.746.166*
- *Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Huy Hiển*	*5.945.000.000*	*5.945.000.000*
- *Công ty TNHH MTV Chí Thành Đạt*	*2.214.297.453*	*4.606.193.145*
- *Phải trả đối tượng khác*	*16.793.282.944*	*16.758.267.302*
Phải trả cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 22)*	538.736.049	496.683.114
TỔNG CỘNG	**38.209.992.806**	**42.967.889.727**

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	*Số phải nộp trong kỳ*	*Số đã nộp trong kỳ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2018*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.715.058.969	2.644.189.855	(2.669.918.672)	1.689.330.152
Thuế giá trị gia tăng	-	844.382.915	-	844.382.915
Thuế thu nhập cá nhân	58.973.167	433.091.454	(445.065.713)	46.998.908
Các thuế khác	-	317.260.448	(317.260.448)	-
TỔNG CỘNG	**1.774.032.136**	**4.238.924.672**	**(3.432.244.833)**	**2.580.711.975**

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
Chi phí vận chuyển	6.430.938.546	95.908.020
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	150.000.000	104.000.000
Khác	355.429.636	186.363.636
TỔNG CỘNG	**6.936.368.182**	**386.271.656**

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
Cổ tức phải trả	15.726.240.770	1.440.770
Bảo hiểm	417.668.108	15.533.562
Nhận ký quỹ, ký cược	306.000.000	362.000.000
Kinh phí công đoàn	120.001.114	193.266.094
Khác	223.369.197	363.079.644
TỔNG CỘNG	**16.793.279.189**	**935.320.070**
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	*8.918.445.989*	*935.320.070*
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 22)	*7.874.833.200*	-

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Ngày 1 tháng 1	5.070.724.930	7.341.193.869
Trích lập quỹ trong kỳ *(Thuyết minh 16.1)*	2.571.415.830	2.070.300.731
Sử dụng quỹ trong kỳ	(3.211.005.332)	(3.130.252.081)
Ngày 30 tháng 6	4.431.135.428	6.281.242.519

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	131.040.000.000	53.070.783.332	109.522.730.952	23.823.041.850	317.456.556.134
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	11.000.466.618	11.000.466.618
Cổ tức công bố	-	-	-	(15.724.800.000)	(15.724.800.000)
Trích lập quỹ	-	-	4.830.701.705	(4.830.701.705)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(2.070.300.731)	(2.070.300.731)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	131.040.000.000	53.070.783.332	114.353.432.657	12.197.706.032	310.661.922.021
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018					
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	131.040.000.000	53.070.783.332	114.353.432.657	22.215.651.075	320.679.867.064
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	10.342.459.421	10.342.459.421
Cổ tức công bố	-	-	-	(15.724.800.000)	(15.724.800.000)
Trích lập quỹ	-	-	2.646.805.831	(2.646.805.831)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(2.571.415.830)	(2.571.415.830)
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	131.040.000.000	53.070.783.332	117.000.238.488	11.615.088.835	312.726.110.655

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 *Chi tiết nguồn vốn chủ sở hữu*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017		
	Số lượng cổ phiếu thường	*Giá trị (VND)*	*% sở hữu*
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	6.562.361	65.623.610.000	50,08
Các cổ đông khác	6.541.639	65.416.390.000	49,92
TỔNG CỘNG	**13.104.000**	**131.040.000.000**	**100,00**

16.3 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

16.4 *Cổ tức*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức đã công bố trong kỳ	*15.724.800.000*	*15.724.800.000*
Cổ tức đã trả bằng tiền	-	-

Trong kỳ, Công ty đã công bố cổ tức năm 2017 tại mức 12% bằng tiền theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên phê duyệt ngày 23 tháng 4 năm 2018.

17. DOANH THU

17.1 *Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Doanh thu vận tải đường thủy	96.260.369.150	82.767.168.127
Doanh thu vận tải đường bộ	522.219.852	6.989.439.373
Doanh thu bốc dỡ hàng hóa	443.965.224	1.119.295.218
Doanh thu bán buôn xi măng	-	1.057.956.726
Doanh thu cho thuê kho	725.454.546	516.363.633
TỔNG CỘNG	**97.952.008.772**	**92.450.223.077**
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	*68.698.696.300*	*67.915.886.031*
Doanh thu đối với các bên khác	*29.253.312.472*	*24.534.337.046*

17.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Lãi tiền gửi	3.003.739.923	3.686.268.959

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	4.391.496.000	-
Chi phí lãi vay	-	18.366.667
TỔNG CỘNG	**4.391.496.000**	**18.366.667**

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Chi phí nhân viên	3.022.775.265	3.443.954.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.637.725.882	2.478.277.029
Chi phí khấu hao tài sản	199.822.926	131.126.514
Chi phí khác	1.941.980.174	1.832.132.053
TỔNG CỘNG	**6.802.304.247**	**7.885.490.116**

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.498.938.901	50.378.123.915
Chi phí nhân viên	16.803.006.068	16.484.084.196
Chi phí khấu hao tài sản *(Thuyết minh số 9)*	11.958.296.808	6.185.937.516
Chi phí nhiên liệu và vật liệu	10.442.251.946	6.570.642.068
Chi phí khác	1.941.980.174	1.957.975.542
TỔNG CỘNG	**83.644.473.897**	**81.576.763.237**

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong năm 2018, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế (Năm 2017: 20%).

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.644.189.855	2.778.559.386
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	346.802.783
TỔNG CỘNG	**2.644.189.855**	**3.125.362.169**

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.1 *Chi phí thuế TNDN* (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**12.986.649.276**	**14.125.828.787**
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	2.597.329.855	2.825.165.757
Các điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	46.860.000	300.196.412
Chi phí thuế TNDN ước tính	**2.644.189.855**	**3.125.362.169**

21.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

21.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

VND

	Bảng cân đối kế toán		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	-	(346.802.783)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	-		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-	**(346.802.783)**

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Đồng sở hữu	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	63.304.035.400	47.328.627.421
		Chuyển nhượng khoản đầu tư	-	1.500.000.000
		Mua hàng hóa	-	1.032.361.000
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Đồng sở hữu	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	5.394.660.900	3.513.714.804
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phí tư vấn	489.760.044	454.379.513
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Đồng sở hữu	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	17.073.543.806
		Thu tiền phạt	-	971.755.160

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Ban Tổng Giám đốc	302.830.000	348.000.000
Hội đồng Quản trị	212.000.000	252.000.000
Ban Kiểm soát	64.000.000	78.000.000
	578.830.000	**678.000.000**

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày như sau:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
***Phải thu ngắn hạn của khách hàng** (Thuyết minh số 7)*				
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Đồng sở hữu	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	78.699.131.451	65.003.923.021
Công ty TNHH Siam City cement Việt Nam	Đồng sở hữu	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	5.150.968.619	6.929.202.182
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Đồng sở hữu	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	680.257.167
			83.850.100.070	**72.613.382.370**
***Phải trả người bán ngắn hạn** (Thuyết minh số 11)*				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phí tư vấn	538.736.049	496.683.114
***Phải trả ngắn hạn khác** (Thuyết minh số 14)*				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	7.874.833.200	-

23. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất và văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
Dưới 1 năm	1.401.193.280	1.561.193.280
Từ 1 đến 5 năm	551.093.840	1.171.690.480
TỔNG CỘNG	**1.952.287.120**	**2.732.883.760**

24. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty.

Võ Thị Ngọc Diễm	Trần Thị Lý	Trần Văn Quỳnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2018